

SGK).

? Em có suy nghĩ gì về tiểu phẩm vừa xem
? Nếu em ở vào tình huống đó, em có hành động như vậy không? Vì sao
GV nhận xét chung.

- Thảo luận cả lớp và trả lời.

HS: Suy nghĩ trả lời.

3. Củng cố □ dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Luyện tiếng việt

luyện tập Mở rộng vốn từ: nhân hậu - đoàn kết

I.Mục tiêu:

1. Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ theo chủ điểm “Thương ... thân”. Nắm được cách dùng các từ ngữ đó.
2. Học nghĩa 1 số từ và đơn vị cấu tạo từ Hán Việt. Nắm được cách dùng các từ ngữ đó.

II.Đồ dùng dạy - học:

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học:

1.Giới thiệu bài.

2.Nội dung:

-GV đưa nội dung bài.

-Trao đổi, thảo luận tìm cách làm.
-Cử đại diện nhóm báo cáo kết quả.

-Chữa bài và nhận xét tinh thần, thái độ của từng nhóm.

Bài 1.Gạch bỏ từ không cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại trong mỗi dãy từ sau:

- a) nhân vật, nhân hậu, nhân ái, nhân từ.
- b) nhân dân, nhân loại, nhân đức, nhân gian.
- c) nhân sự, nhân lực, nhân quả, công nhân.

- a) nhân vật
- b) nhân đức
- c) nhân quả

Bài 2.Điền vào chỗ chấm các từ cho trước thích hợp (*hiền hòa, hiền lành, hiền từ, nhân từ*).

- a) Bạn Nhung lớp em rất.....
- b) Dòng sông chảy rất ... giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.
- c) Bà luôn nhìn em với cặp mắt....
- d) Cụ già ấy là một người.....

- a) hiền lành
- b) hiền hòa
- c) hiền từ
- d) nhân từ

Bài 3.Chọn từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu sau:

Chúng ta cần mở rộng vòng tay để giúp đỡ những người gặp hoạn nạn.

- a) nhân đạo
- b) nhân đức

- c) nhân ái
- d) nhân từ

3. Củng cố dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Luyện toán

Luyện tập

I. Mục tiêu:

Giúp HS: - Ôn lại mối quan hệ giữa các đơn vị các hàng liền kề.
- Biết viết và đọc các số có tới sáu chữ số.

II. Đồ dùng dạy học:

III. Các hoạt động dạy học:

1. Ổn định :

2. Kiểm tra:

Nêu mối quan hệ giữa các hàng liền kề.

3. Bài mới:

Bài 1. Xếp các số: 45278; 42578; 47258; 48258; 45728 theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 2. Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 909010; 789563; 987653; 910009.

Bài 3. Tìm X.

a) $X - 4956 = 8372$
 $X = 8372 - 4956$
 $X = 3416$

c) $X \times 9 = 57708$
 $X = 57708 : 9$
 $X = 6412$

Bài 4. Một tấm bìa hình chữ nhật có diện tích 108 cm^2 , chiều rộng 6 cm. Tính chu vi của tấm bìa hình chữ nhật đó.

-48258; 47258; 45728; 45287; 42578

- 789563; 909010; 910009; 987653.

b) $X + 1536 = 10320$
 $X = 10320 - 1536$
 $X = 8784$

d) $X : 7 = 1630$
 $X = 1630 \times 7$
 $X = 11410$

Bài giải:

Chiều dài tấm bìa là:

$$108 : 6 = 18 \text{ (cm)}$$

Chu vi tấm bìa là:

$$(18 + 6) : 2 = 12 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 12 cm

4. Củng cố dặn dò

Số có sáu chữ số thì hàng cao nhất là hàng nào?

Thứ tư ngày 27 tháng 8 năm 2014

Buổi sáng:

Tin học

(GV chuyên ngành soạn - giảng)

Mỹ thuật

(GV chuyên ngành soạn - giảng)

Tập đọc

truyện cổ nước mình

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

I.Mục tiêu:

1. Đọc lưu loát bài, ngắt nghỉ hơi đúng, phù hợp với âm điệu vần nhịp của từng câu thơ lục bát. Đọc bài với giọng tự hào trầm lắng.

2. Hiểu bài thơ: Ca ngợi kho tàng truyện cổ của đất nước, đó là những câu chuyện vừa nhân hậu, vừa thông minh, chứa đựng kinh nghiệm sống quý báu của cha ông. 3. Học thuộc lòng bài thơ.

II.Đồ dùng:

- Tranh minh họa SGK.

III.Các hoạt động dạy □ học:

A.Kiểm tra bài cũ:

Sau khi đọc xong toàn bài em nhớ nhất hình ảnh nào về Đế Mèn? Vì sao

HS: 3 em nối tiếp nhau đọc 3 đoạn của truyện “Đế Mèn bênh vực kẻ yếu”.

HS: Tự nêu những hình ảnh thể hiện sự bất bình trước cảnh ức hiếp kẻ yếu.

B.Bài mới:

1.Giới thiệu □ ghi đầu bài:

HS: Quan sát tranh, nghe giới thiệu.

2.Dạy bài mới:

a.Luyện đọc:

? Bài thơ chia làm mấy đoạn

GV nghe HS đọc và sửa sai cho những em đọc sai + giải nghĩa từ khó.

HS: Nối tiếp nhau đọc từng đoạn thơ (2, 3 lần).

- HS luyện đọc theo cặp.

HS: - Đọc theo cặp
- 1, 2 em đọc cả bài.

- GV đọc diễn cảm toàn bài.

b.Tìm hiểu bài:

? Đọc thầm bài và cho biết vì sao tác giả yêu truyện cổ nước nhà

- Vì truyện cổ nước mình rất nhân hậu, ý nghĩa rất sâu xa.

? Bài thơ gợi cho em nhớ đến những truyện cổ nào

?Tìm thêm những truyện cổ khác thể hiện sự nhân hậu của người Việt Nam ta

? Em hiểu ý nghĩa 2 dòng thơ cuối như thế nào

c. Hướng dẫn HS đọc diễn cảm và học thuộc lòng:

- GV nghe và khen những em đọc hay.
- GV chọn và hướng dẫn HS đọc diễn cảm 1 đoạn thơ theo trình tự:
- GV đọc mẫu.

3.Củng cố □ dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

- Vì truyện cổ giúp ta nhận ra những phẩm chất quý báu của ông cha: Công bằng, thông minh, độ lượng, ...

- Vì truyện cổ truyền cho đời sau nhiều lời răn dạy quý báu của cha ông.

HS:Tấm Cám, Đẽo cày giữa đường...

HS: ... Sự tích hồ Ba Bể, Nàng tiên ốc, Sọ Dừa, Trầu cau, Thạch Sanh, ...

HS: ... truyện cổ chính là những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau. Qua những câu chuyện cổ cha ông dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ, ...

HS: 3 em nối tiếp nhau đọc lại bài thơ.

- HS: Đọc diễn cảm theo cặp

- 1 vài em thi đọc diễn cảm trước lớp.
HS nhắm học thuộc lòng bài thơ và thi đọc.

Toán

hàng và lớp

I.Mục tiêu:

Giúp HS nhận biết được:

- Lớp đơn vị gồm 3 hàng: Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm; Lớp nghìn gồm 3 hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.
- Vị trí của từng chữ số theo hàng và theo lớp.
- Giá trị của từng chữ số theo vị trí của từng chữ số đó ở từng hàng, từng lớp.

II.Đồ dùng dạy □ học:

- Bảng phụ kẻ như phần đầu bài học.

III.Các hoạt động dạy □ học chủ yếu:

1.Giới thiệu lớp nghìn, lớp đơn vị:

? Hãy nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ bé đến lớn

- GV giới thiệu: Các hàng này được xếp vào các lớp. Hàng đơn vị, chục,

HS: ... Đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.

trăm hợp thành lớp đơn vị hay lớp đơn vị gồm 3 hàng: hàng đơn vị, chục, trăm. Lớp nghìn gồm 3 hàng: nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.

-Đưa ra bảng phụ đã kẻ sẵn rồi cho HS nêu.

? Lớp đơn vị gồm những hàng nào

- GV viết số 321 vào cột số trong bảng phụ rồi cho HS lên bảng viết từng chữ số vào các cột ghi hàng.

- GV tiến hành tương tự như vậy với các số 654000; 654321

2. Thực hành:

+ Bài 1:

+ Bài 2: a) GV chỉ viết số 46307 lên bảng chỉ lần lượt vào từng số yêu cầu HS nêu tên hàng tương ứng.

- GV ghi số 65032 lên bảng và hỏi chữ số 3 ở hàng nào, lớp nào?

- GV hỏi tương tự với các số còn lại.

b) - Viết số 38753 lên bảng và yêu cầu HS đọc số

? Chữ số 7 thuộc hàng nào, lớp nào

? Giá trị của chữ số 7 là bao nhiêu

GV cho HS làm tiếp các phần còn lại.

+ Bài 3:

GV nhận xét, chữa bài.

+ Bài 4:

+ Bài 5:

3. Củng cố □ dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. GV tổng kết giờ học.

HS: ... hàng đơn vị, chục, trăm

HS: Viết số 1 vào cột đơn vị, số 2 vào cột chục, số 3 vào cột trăm.

HS: - Quan sát và phân tích mẫu trong SGK.-
Cho HS nêu kết quả các phần còn lại.

HS: Nêu chữ số 3 thuộc hàng trăm, lớp đơn vị.

HS: hàng chục, lớp đơn vị.

HS: Đọc số

- ... hàng trăm, lớp đơn vị.

- ... là 700

HS: Tự làm theo mẫu.

$52314 = 50\ 000 + 2\ 000 + 300 + 10 + 4$

$503060 = 500\ 000 + 3\ 000 + 60$

$83760 = 80\ 000 + 3\ 000 + 700 + 60$

$176091 = 100\ 000 + 70\ 000 + 6\ 000 + 90 + 1$

HS: Tự làm rồi chữa bài.

HS: Quan sát mẫu rồi tự làm bài.

Buổi chiều:

Kể chuyện

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

I.Mục tiêu:

- Kể lại bằng ngôn ngữ và cách diễn đạt của mình câu chuyện thơ “Nàng tiên ốc”.
- **Hiểu ý nghĩa câu chuyện, trao đổi cùng với bạn về ý nghĩa câu chuyện: Con người cần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.**

II.Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh họa truyện trong SGK.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra bài cũ:

HS: 2 em nối tiếp nhau kể chuyện □ *Sự tích hồ Ba Bể* □ sau đó nêu ý nghĩa.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu □ ghi tên bài:

2.Tìm hiểu câu chuyện:

- GV đọc diễn cảm bài thơ.

+ Đoạn 1: Bà lão nghèo làm nghề gì để sinh sống?

- Bà làm gì khi bắt được ốc?

+ Đoạn 2: Từ khi có ốc bà lão thấy trong nhà có gì lạ?

+ Đoạn 3: Khi rình xem bà lão nhìn thấy gì? Sau đó bà lão đã làm gì

? Câu chuyện kết thúc thế nào

HS: 3 em nối tiếp nhau đọc 3 đoạn thơ.
- 1 em đọc toàn bài, cả lớp đọc thầm theo và trả lời câu hỏi.

HS: ... mò cua bắt ốc.

HS: ... thấy ốc đẹp, bà thương không muốn bán, thả vào chum nước để nuôi.

HS: ... Nhà cửa quét sạch sẽ, đàn lợn được ăn no, cơm nước nấu sẵn, vườn rau sạch cỏ.

- Bà thấy 1 nàng tiên từ chum nước bước ra.

- Bà bí mật đập vỡ vỏ ốc rồi ôm lấy nàng tiên.

- Bà lão và nàng tiên sống hạnh phúc bên nhau. Họ thương yêu nhau như 2 mẹ con.

3.Hướng dẫn kể chuyện và trao đổi về ý nghĩa câu chuyện:

a. Hướng dẫn HS kể lại câu chuyện bằng lời của mình:

? Thế nào là kể lại câu chuyện bằng lời của em

HS: ... em đóng vai người kể, kể lại câu chuyện cho người khác nghe. Kể bằng lời của em là dựa vào nội dung câu chuyện, không đọc lại từng câu.

GV viết 6 câu hỏi lên bảng lớp mời 1 HS giỏi kể mẫu.

b. HS kể theo cặp (nhóm)

c. HS nối tiếp nhau thi kể toàn bộ câu chuyện thơ trước lớp và nêu ý nghĩa của câu chuyện.

- GV và HS bình chọn bạn kể hay nhất, bạn hiểu chuyện nhất.

4. Củng cố □ dặn dò:

Nhận xét giờ học. Nhắc HS học thuộc 1 đoạn thơ hoặc cả bài thơ.

HS: Kể theo từng khổ thơ, theo toàn bài thơ sau đó trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

-> Câu chuyện nói về tình thương yêu lẫn nhau giữa bà lão và nàng tiên ốc. Con người phải thương yêu nhau, ai sống có hậu, thương yêu mọi người sẽ có được cuộc sống hạnh phúc.

Luyện tiếng việt

luyện đọc: truyện cổ nước mình

I. Mục tiêu:

1. Đọc lưu loát bài, ngắt nghỉ hơi đúng, phù hợp với âm điệu vần nhịp của từng câu thơ lục bát. Đọc bài với giọng tự hào trầm lắng.

2. Hiểu bài thơ: Ca ngợi kho tàng truyện cổ của đất nước, đó là những câu chuyện vừa nhân hậu, vừa thông minh, chứa đựng kinh nghiệm sống quý báu của cha ông. 3. Học thuộc lòng bài thơ.

II. Đồ dùng:

Bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Bài mới:

1. Giới thiệu □ ghi đầu bài:

HS: Quan sát tranh, nghe giới thiệu.

2. Dạy bài mới:

a. Luyện đọc:

- HS luyện đọc theo cặp.

HS: - Đọc theo cặp

- 1, 2 em đọc cả bài.

b. Tìm hiểu bài:

Những lý do nào khiến tác giả yêu truyện cổ nước mình?

- Vì các truyện cổ có nhiều ý nghĩa sâu xa.

- Vì các truyện cổ giúp tác giả nhận biết được các phẩm chất đáng quý của nhân dân ta: nhân hậu, thông minh, độ lượng, chăm chỉ, tự tin.

? Bài thơ gợi cho em nhớ đến những truyện cổ nào

HS: Tấm Cám, Đẽo cày giữa đường, Cây tre trăm đốt, Sơn Tinh Thủy Tinh, Sự tích dưa hấu, Thánh Gióng...

? ý nghĩa của hai câu thơ cuối bài là gì?

HS: Truyện cổ nhắc chúng ta nhớ về ông cha. Truyện cổ là lời dạy về lối sống

c. HS đọc diễn cảm và học thuộc lòng:

- GV nghe và khen những em đọc hay.

3. Củng cố □ dặn dò:

- Nhận xét tiết học. - Về nhà tiếp tục học thuộc lòng bài thơ.

nhân hậu, chăm chỉ, tự tin của ông cha ta.

HS: 3 em nối tiếp nhau đọc lại bài thơ.

- HS: Đọc diễn cảm theo cặp

- 1 vài em thi đọc diễn cảm trước lớp.

HS nhắm học thuộc lòng bài thơ và thi đọc.

Khoa học

Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn.

vai trò của chất bột đường

I. Mục tiêu:

- HS có thể sắp xếp các thức ăn hàng ngày vào nhóm thức ăn có nguồn gốc động vật, thực vật.

- Phân loại thức ăn dựa vào những chất dinh dưỡng có nhiều trong thức ăn đó.

- Nói tên và vai trò của những thức ăn chứa chất bột đường và nhận ra nguồn gốc của những thức ăn chứa chất bột đường.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Hình trang 10, 11 SGK. - Phiếu bài tập.

III. Các hoạt động dạy □ học:

1. Kiểm tra bài cũ:

- GV nhận xét, cho điểm.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu và ghi đầu bài.

b. Dạy bài mới:

- HĐ1: Tập phân loại thức ăn.

+ Bước 1: Yêu cầu HS mở SGK và trao đổi theo cặp để trả lời câu hỏi 3 SGK.

+ Bước 2: Làm việc cả lớp.

HS: Trả lời câu hỏi bài trước.

HS: - Làm việc theo cặp đôi nói tên thức ăn, đồ uống mà các em dùng hàng ngày.

- Quan sát H10 và hoàn thành bảng sau: (SGV trang 36).

HS: Đại diện 1 số cặp trình bày kết quả.

Nghe HS trình bày rồi đi đến kết luận:

→ Phân loại thức ăn theo các cách:

- Phân loại theo nguồn gốc động vật hay thực vật.

- Phân loại theo lượng các chất dinh dưỡng có thể chia 4 nhóm: chất bột đường + chất đạm + chất béo + vitamin và chất khoáng.

-HD2. Tìm hiểu vai trò của chất bột đường:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp.

+ Bước 2: Làm việc cả lớp.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Nói tên các thức ăn giàu chất bột đường có trong các hình trang 11 SGK

? Kể tên các thức ăn chứa chất bột đường mà các em ăn hàng ngày

? Kể tên những thức ăn chứa chất bột đường mà các em thích ăn

? Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

- Nhận xét, bổ sung.

-HD3: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

- GV phát phiếu học tập cho HS.

- GV bổ sung và kết luận.

3.Củng cố dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

HS: Nói với nhau tên các thức ăn chứa nhiều chất bột đường trang 11 SGK và tìm hiểu vai trò.

HS: Suy nghĩ trả lời.

HS: - Làm việc với phiếu học tập.
- 1 số HS trình bày kết quả.
- Các nhóm khác nghe và bổ sung.

Thứ năm ngày 28 tháng 8 năm 2014

Buổi sáng:

Tập làm văn

kể lại hành động của nhân vật

I.Mục tiêu:

1. Giúp HS biết: Hành động của nhân vật thể hiện tính cách của nhân vật.

2. Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học để xây dựng nhân vật trong 1 bài văn cụ thể.

II. Đồ dùng:

- Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy □ học:

A. Kiểm tra bài cũ:

? Thế nào là kể chuyện

HS: - 1 em trả lời.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu □ ghi đầu bài:

2. Phân nhận xét:

a.HĐ1: Đọc truyện bài văn bị điểm không (yêu cầu 1).

- GV đọc diễn cảm toàn bài.

HS: 2 em khá nối nhau đọc 2 lần cả bài.

b.HĐ2: Từng cặp HS trao đổi thực hiện yêu cầu 2, 3.

- Tìm hiểu yêu cầu của bài.

+ HS đọc yêu cầu của bài tập 2, 3.

+ 1 em giỏi lên bảng thực hiện thử 1 ý của bài tập 2.

(Giờ làm bài: nộp giấy trắng)

→ GV nhận xét bài làm của HS.

- Làm việc theo nhóm:

HS: Làm bài theo nhóm, ghi kết quả vào giấy.

Chia lớp thành các nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy ghi sẵn các câu hỏi.

- Cử tổ trọng tài 3 em tính điểm theo tiêu chuẩn sau:

- Trình bày kết quả nhóm mình, dán lên bảng.

+ Lời giải: Đúng / sai

ý 1: a) Giờ làm bài: Nộp giấy trắng

+ Thời gian: Nhanh / chậm

b) Giờ trả bài: Im lặng, mãi mới nói.

+ Cách trình bày: Rõ ràng / lúng túng.

c) Lúc ra về: Khóc khi bạn hỏi.

ý 2: Thể hiện tính trung thực.

*Thứ tự kể các hành động là a - b - c.

3. Phần ghi nhớ:

HS: 2 - 3 em nối tiếp nhau đọc phần ghi nhớ.

4. Phần luyện tập:

HS: 1 em đọc nội dung bài tập, cả lớp đọc thầm.

- GV phát phiếu cho 1 số cặp.

- Từng cặp HS trao đổi.

- GV và cả lớp nhận xét.

- Làm bài vào phiếu và trình bày kết quả.

- Y/c HS kể lại câu chuyện theo dàn ý đã được sắp xếp lại hợp lý.

- Lớp nhận xét.

1. Một hôm ...

- 1 - 2 HS kể lại câu chuyện theo dàn ý đã được sắp xếp lại hợp lý.

5. Sẽ không muốn ...

3. Chích đi kiếm mồi ...

2. Thế là ...

6. Chích bèn gói ...

4. Khi ăn hết ...

8. Chích vui vẻ ...

7. Gió đưa ...

9. Sẽ ngưng nghịu ...

5. Củng cố dặn dò:

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Toán

So sánh các số có nhiều chữ số

I.Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết các dấu hiệu và cách so sánh các số có nhiều chữ số.
- **Củng cố cách tìm số lớn, số bé nhất trong một nhóm các số.**
- Xác định được số lớn nhất, số bé nhất có 3 chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có 6 chữ số.

II.Các hoạt động dạy □ học:

A.Bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.So sánh các số có nhiều chữ số:

a. So sánh 99578 và 100000.

- GV viết lên bảng: 99578 ... 100000

- Cho HS nêu nhận xét:

b. So sánh 693251 và 693500:

Gv viết lên bảng 693251 ... 693500

=> Nhận xét chung.

3.Thực hành:

+ Bài 1:

Chữa bài: $726\ 585 > 557\ 652$

$653\ 211 = 653\ 211$

$845\ 713 < 854\ 713$

+ Bài 2:

+ Bài 3:

+ Bài 4:

- GV chữa bài cho HS.

4.Củng cố - dặn dò:

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

HS: Viết dấu thích hợp vào chỗ chấm rồi giải thích vì sao chọn dấu <.

Vì số 99578 có 5 chữ số

100000 có 6 chữ số.

$5 < 6$ vì vậy $99578 < 100000$

Trong 2 số, số nào có số chữ số ít hơn thì số đó bé hơn.

HS: Lên bảng viết dấu thích hợp vào chỗ chấm rồi giải thích vì sao chọn dấu < (ta so sánh các hàng với nhau... hàng nào lớn hơn thì số đó lớn hơn).

HS: Tự làm bài vào vở.

HS: Tự làm bài sau đó chữa bài. Số lớn nhất là: 902 011.

HS: Nêu cách làm, tự làm bài.
2467; 28092; 932018; 943567.

HS: Tự làm bài vào vở.